

DANH SÁCH
HỘ NGHÈO NĂM 2025 THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌK RỂO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2025 của UBND xã Ngok Rểo)

TT	Họ và tên Chủ hộ	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
1	A Ui	Tơ -Đra	1	15-07-1983	Thôn Đăk Duông	
2	Y Miuh (Hmĩu)	Tơ -Đra	2	01-01-1961	Thôn Kon Stiù II	
3	A Chín	Tơ -Đra	4	01-01-1943	Thôn Kon Gu I	
4	A Hêu	Tơ -Đra	1	01-01-1914	Thôn Kon Gu I	
5	Y Đô	Tơ -Đra	1	01-01-1956	Thôn Kon Gu II	
6	Cao Thị Nhật	Kinh	1	10-09-1947	Thôn 7	
7	Nguyễn Thị Lan	Kinh	1	01-01-1949	Thôn 7	
8	Bùi Thị Có	Kinh	1	20-02-1944	Thôn 7	
9	Y Đa	Tơ -Đra	3	01-01-1959	Thôn Kon Brông	
10	Y Nhíp	Tơ -Đra	3	01-01-1979	Thôn Đăk Têg	
11	Y Kruêng	Tơ -Đra	2	01-01-1952	Thôn Kon Sơ Tiu	
12	Y Dìng	Tơ -Đra	4	28-12-1975	Thôn Kon Rôn	
13	Y Nghé	Tơ -Đra	4	02-09-1990	Thôn Kon Rôn	
14	A Niêm	Tơ -Đra	2	01-01-1955	Thôn Kon Bơ Băn	
15	A Thanh (A)	Tơ -Đra	4	01-01-1966	Thôn Kon Bơ Băn	
16	A Hiền	Tơ -Đra	4	02-08-1991	Thôn Kon Bơ Băn	
17	A Len	Tơ -Đra	9	01-01-1985	Thôn Kon Bơ Băn	
18	Y Mur	Tơ -Đra	1	10-01-1947	Thôn Kon Bơ Băn	
19	Y Hnon	Tơ -Đra	1	01-01-1967	Thôn Kon Krok	
20	Y Weng	Tơ -Đra	1	01-01-1958	Thôn Kon Krok	
21	Y Pen	Tơ -Đra	3	01-01-1984	Thôn Kon Hơ Drể	
Tổng cộng			53			

DANH SÁCH
HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025 THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌK RÉO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2025 của UBND xã Ngok Réo)

TT	Họ và tên Chủ hộ	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
1	Y Drui	Tơ -Đra	2	01-01-1951	Thôn Đăk Duông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
2	A Nay	Tơ -Đra	4	01-01-1948	Thôn Đăk Duông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
3	Y Hóa	Tơ -Đra	2	01-01-1962	Thôn Đăk Duông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
4	Y Xuân	Tơ -Đra	2	01-01-1964	Thôn Đăk Duông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
5	A Son (A Xon)	Tơ -Đra	1	01-01-1977	Thôn Đăk Duông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
6	Y Thanh	Tơ -Đra	4	10-04-1980	Thôn Đăk Duông	
7	Y Thok	Tơ -Đra	5	01-01-1980	Thôn Đăk Duông	
8	A Xoi	Tơ -Đra	3	01-01-1962	Thôn Đăk Duông	
9	Y Xing	Tơ -Đra	1	01-01-1955	Thôn Đăk Duông	
10	A Oan	Tơ -Đra	6	01-01-1975	Thôn Đăk Duông	
11	Y Trĩ	Tơ -Đra	1	01-01-1920	Thôn Kon Jri	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
12	Y Xăng	Tơ -Đra	1	01-01-1950	Thôn Kon Jri	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
13	Y Hngrê	Tơ -Đra	1	01-01-1930	Thôn Kon Jri	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
14	A Nhir	Tơ -Đra	2	01-01-1930	Thôn Kon Jri	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
15	A Vóc	Tơ -Đra	5	12-10-1984	Thôn Kon Jri	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
16	Y Báo	Tơ -Đra	6	09-03-1983	Thôn Kon Stiu II	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
17	Y Hnen	Ba Na	3	01-01-1964	Thôn Kon Stiu II	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
18	Y Nhar	Tơ -Đra	7	01-01-1960	Thôn Kon Stiu II	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
19	Y Lý	Tơ -Đra	6	01-01-1950	Thôn Kon Stiu II	
20	Lương Văn Núi	Thái	4	26-07-1982	Thôn Kon Stiu II	
21	A Piang	Tơ -Đra	12	23-06-1981	Thôn Kon Stiu II	
22	Y Nhuh	Tơ -Đra	1	01-01-1945	Thôn Kon Stiu II	
23	A Hriu	Tơ -Đra	2	01-01-1957	Thôn Kon Stiu II	
24	Y Them	Tơ -Đra	1	01-01-1942	Thôn Kon Gu I	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
25	Y Hit	Tơ -Đra	1	25-12-1946	Thôn Kon Gu I	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
26	A Jo Sép	Tơ -Đra	8	01-01-1980	Thôn Kon Gu I	Từ hộ nghèo qua cận nghèo
27	Y Chuýt	Tơ -Đra	4	15-02-1988	Thôn Kon Gu I	Y Hiu "chết"; Từ hộ nghèo qua cận nghèo
28	Y Then	Tơ -Đra	1	01-01-1950	Thôn Kon Gu I	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
29	Y Nhíp	Tơ -Đra	1	01-01-1946	Thôn Kon Gu I	
30	Y Bar	Tơ -Đra	1	01-01-1943	Thôn Kon Gu I	
31	Y Nhiuh	Tơ -Đra	1	01-01-1938	Thôn Kon Gu I	
32	Y Thân	Tơ -Đra	1	01-01-1945	Thôn Kon Gu I	
33	Y Li Xi	Tơ -Đra	5	03-04-1997	Thôn Kon Gu II	Y Khil "Chết"; Từ hộ nghèo qua cận nghèo;

TT	Họ và tên Chủ hộ	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
34	Y Nang	Tơ -Đra	4	05-08-1988	Thôn Kon Gu II	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
35	Y Thék	Tơ -Đra	5	01-01-1964	Thôn Kon Gu II	
36	A Hyiu	Tơ -Đra	5	01-01-1959	Thôn Kon Gu II	
37	A Khương	Tơ -Đra	12	01-01-1978	Thôn Kon Gu II	
38	A Vê	Tơ -Đra	2	01-01-1958	Thôn Kon Brông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
39	A Hmôi	Tơ -Đra	1	01-01-1947	Thôn Kon Brông	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
40	Y Biai	Tơ -Đra	2	01-01-1950	Thôn Kon Brông	
41	Y Jieo	Tơ -Đra	3	01-01-1950	Thôn Kon Brông	
42	A Mùng	Tơ -Đra	4	28-10-2006	Thôn Kon Brông	
43	A Bria	Tơ -Đra	3	01-01-1956	Thôn Đăk Têg	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
44	Y Lôm	Tơ -Đra	3	01-01-1945	Thôn Đăk Têg	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
45	Y Mi Nương	Tơ -Đra	3	10-01-2004	Thôn Đăk Têg	Y Klôi "chết"; Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
46	A Dep	Tơ -Đra	2	04-03-1957	Thôn Đăk Têg	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
47	A Gling	Tơ -Đra	3	01-01-1952	Thôn Kon Sơ Tiu	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
48	Y Trao	Tơ -Đra	3	25-10-1997	Thôn Kon Sơ Tiu	Y Mô "Chết"; Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
49	Y Nhuôr	Tơ -Đra	4	01-01-1953	Thôn Kon Sơ Tiu	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
50	A Nian	Tơ -Đra	4	01-01-1948	Thôn Kon Sơ Tiu	
51	A Nôk	Tơ -Đra	5	01-01-1960	Thôn Kon Sơ Tiu	
52	Y Don	Tơ -Đra	1	01-01-1950	Thôn Kon Rôn	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
53	Y Kria	Tơ -Đra	3	01-01-1959	Thôn Kon Rôn	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
54	Y Ngrĩ	Tơ -Đra	5	01-01-1983	Thôn Kon Rôn	
55	Y Xing	Tơ -Đra	7	01-01-1958	Thôn Kon Rôn	
56	Y Lier	Tơ -Đra	4	05-12-1976	Thôn Kon Rôn	
57	A Cường	Tơ -Đra	4	09-04-1999	Thôn Kon Bơ Băn	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
58	Y Xương (Y Lan)	Tơ -Đra	6	14-01-2000	Thôn Kon Bơ Băn	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
59	A Đoan	Tơ -Đra	12	10-03-1985	Thôn Kon Bơ Băn	
60	A Nup	Tơ -Đra	9	01-01-1977	Thôn Kon Bơ Băn	
61	Y Đế	Tơ -Đra	1	01-01-1955	Thôn Kon Bơ Băn	
62	A Dum	Tơ -Đra	2	01-01-1953	Thôn Kon Bơ Băn	
63	A Oăn	Tơ -Đra	7	01-01-1988	Thôn Kon Bơ Băn	
64	A Wăn	Tơ -Đra	11	01-01-1978	Thôn Kon Bơ Băn	
65	A Klông	Tơ -Đra	5	02-02-1986	Thôn Kon Jong	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
66	A Duar	Tơ -Đra	4	01-01-1966	Thôn Kon Jong	
67	A Tài	Tơ -Đra	5	31-03-1979	Thôn Kon Jong	
68	A Bê	Tơ -Đra	5	20-11-1998	Thôn Kon Krok	
69	Y Sáp	Tơ -Đra	2	01-01-1957	Thôn Kon Krok	
70	A Tam	Tơ -Đra	1	01-01-1938	Thôn Kon Krok	
71	Y Nguô	Tơ -Đra	1	01-01-1946	Thôn Kon Krok	
72	A Khoai	Tơ -Đra	3	30-05-1998	Thôn Kon Hơ Drế	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
73	A Rôn	Tơ -Đra	3	04-01-2000	Thôn Kon Hơ Drế	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
74	Y Yip	Tơ -Đra	4	01-01-1976	Thôn Kon Hơ Drế	Từ hộ nghèo qua cận nghèo;
75	Y Dyre	Tơ -Đra	1	01-01-1939	Thôn Kon Hơ Drế	
76	A But	Tơ -Đra	3	01-01-1960	Thôn Kon Hơ Drế	

TT	Họ và tên Chủ hộ	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
Tổng cộng			282			

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGỌK RÉO

CỘNG HOÀ X.
Độc l

DANH SÁCH
HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2025 THEO CHUẨN NGI
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌK F

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng n

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Dân tộc	Tổng số khẩu
1	Y Nghé	Tơ - Đra	1
2	Y Naih	Tơ - Đra	1
Tổng cộng			2

Ã HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ập - Tự do - Hạnh phúc

HÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025
RÉO

ăm 2025 của UBND xã Ngọc Réo)

Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
01-01-1960	Thôn Đăk Têg	Y Nghé "chết"
01-01-1957	Thôn Kon Jong	Y Naih "chết"

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGỌK RÉO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
HỘ THOÁT CẠN NGHÈO NĂM 2025 THEO CHUẨN NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌK RÉO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 202

TT	Họ và tên Chủ hộ	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng, năm sinh
1	A Bậy	Tơ - Đra	8	01-01-1952
2	Y Krêm (Y Krem)	Tơ - Đra	7	01-11-1980
3	A Diều	Tơ - Đra	7	07-03-1984
4	Y Phít	Tơ - Đra	3	10-08-1995
5	A Buồn	Tơ - Đra	6	12-04-1997
6	Lương Văn Tít	Tơ - Đra	4	06-07-1990
7	Y Xan	Tơ - Đra	3	01-01-1944
8	Y Đro	Tơ - Đra	5	01-01-1956
9	A Kha	Tơ - Đra	5	17-12-2001
10	Y Rĩ	Tơ - Đra	2	01-01-1950
11	A Sương	Tơ - Đra	6	24-06-1995
12	Y Luôr	Tơ - Đra	4	01-01-1939
13	Y Bun	Tơ - Đra	4	01-01-1962
14	Y Tầng	Tơ - Đra	5	01-01-1955
15	A Nội	Tơ - Đra	8	01-01-1981
16	Y Un	Tơ - Đra	11	01-01-1965
17	Y Muìh	Tơ - Đra	10	01-01-1975
18	A Ngòi	Tơ - Đra	8	17-01-1994
19	Phạm Văn Bách	Kinh	4	26-08-1973
20	Y Tháp	Tơ - Đra	3	01-01-1958
21	A Reh	Tơ - Đra	8	25-05-1971
22	A Yin	Tơ - Đra	13	01-01-1973
23	A Hoàng Bìu	Tơ - Đra	4	07-09-1996
24	A Thìn	Tơ - Đra	4	17-04-1992
25	A Hyiu	Tơ - Đra	12	15-09-1984
26	A Đông	Tơ - Đra	9	01-01-1986
27	A Bùì	Tơ - Đra	9	19-07-1980
28	A Phan	Tơ - Đra	7	12-12-1981
29	Y H'Su Ka	Tơ - Đra	7	27-06-1996
30	Y Kue	Tơ - Đra	1	01-01-1954
31	Y Heoh	Tơ - Đra	3	01-01-1954
32	Y Lai	Tơ - Đra	6	22-10-1970
33	Y Tuyệt	Tơ - Đra	4	11-09-1997
34	Y Trang	Tơ - Đra	3	05-08-1994
35	A Plen	Tơ - Đra	10	01-01-1970
36	Y Hlim	Tơ - Đra	2	01-01-1973
37	Y Bắng	Tơ - Đra	1	01-01-1948

38	Y Luyk	Tơ - Đra	1	01-01-1954
39	Y Hnah	Tơ - Đra	3	01-01-1947
40	A Plông	Tơ - Đra	2	01-01-1956
41	Y Xúak	Tơ - Đra	5	01-01-1941
42	A Sơn	Tơ - Đra	6	16-08-1979
43	Y Bối (Y Bói)	Tơ - Đra	1	01-01-1954
44	A Ráp	Tơ - Đra	2	04-08-1952
45	A Băm	Tơ - Đra	3	01-01-1954
46	Y Wâm	Tơ - Đra	4	01-01-1946
47	U Nhoa	Tơ - Đra	2	01-01-1955
48	Y Leh	Tơ - Đra	3	01-01-1956
49	Y Dơ	Tơ - Đra	1	01-01-1960
50	A Duih	Tơ - Đra	4	01-01-1959
51	Y Him	Tơ - Đra	2	01-01-1947
52	A Luyên	Tơ - Đra	8	01-01-1968
53	A Yuh	Tơ - Đra	7	01-01-1969
54	A HMiu	Tơ - Đra	5	24-12-1962
55	Y Tuyết	Tơ - Đra	7	01-11-1968
56	Y Dran	Tơ - Đra	3	01-01-1962
57	A Ngõ	Tơ - Đra	3	01-01-1959
58	A Bên	Ba Na	4	07-08-1997
59	A Thăn	Tơ - Đra	5	23-09-1984
			297	

NGHĨA VIỆT NAM

hạnh phúc

O GIAI ĐOẠN 2021-2025

25 của UBND xã Ngọc Ráo)

Địa chỉ	Ghi chú
Thôn Đăk Duông	
Thôn Đăk Duông	
Thôn Đăk Duông	
Thôn Đăk Duông	Y Jia "chết"
Thôn Đăk Duông	
Thôn Đăk Duông	
Thôn Đăk Duông	
Thôn Kon Jri	
Thôn Kon Jri	
Thôn Kon Jri	
Thôn Kon Jri	
Thôn Kon Jri	
Thôn Kon Jri	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Stiu II	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu I	
Thôn Kon Gu II	
Thôn Kon Gu II	
Thôn Kon Gu II	
Thôn Kon Gu II	
Thôn Kon Brông	
Thôn Kon Brông	
Thôn Kon Brông	A Lấp "chết"
Thôn Kon Brông	
Thôn Kon Brông	
Thôn Kon Brông	

Thôn Đăk Têg	
Thôn Đăk Têg	
Thôn Đăk Têg	
Thôn Đăk Têg	
Thôn Kon Sơ Tiu	
Thôn Kon Sơ Tiu	
Thôn Kon Sơ Tiu	
Thôn Kon Sơ Tiu	
Thôn Kon Sơ Tiu	
Thôn Kon Rôn	
Thôn Kon Rôn	
Thôn Kon Rôn	
Thôn Kon Bơ Băn	
Thôn Kon Bơ Băn	
Thôn Kon Bơ Băn	
Thôn Kon Bơ Băn	
Thôn Kon Jong	
Thôn Kon Jong	
Thôn Kon Hơ Drế	
Thôn Kon Hơ Drế	
Thôn Kon Hơ Drế	
Thôn Kon Hơ Drế	